

LD VIETSOVPEIRO
TRƯỜNG BAN ĐTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 01/01/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		MRM	7:25	10	0		10	0	
2		TD2+BK16+P8	7:25	19+2+0	0+0+0		17+2+3	0+0+0	
3		P5+TD5	7:25	13+9	0+0		12+10	0+0	
4		TD3+BK9	7:25	22+0	0+0		17+5	0+0	
5		TD5	9:25	22	0		20	0	
6		TD3+TTC3	9:25	20+2	0+0		18+4	0+0	
7		MRM	11:25	9	0		11	0	Kuq .

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 614	ETD: 07:25
FLIGHT: 01	TO: MRM	CREW: Khánh - Thanh	ETA: 10:40
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KHASHKO VITALII	MRM	46	1	7		110	KHOAN	Russian
2	ORUDZHEV SHUKURULLA	MRM	50	1	5		88	KHOAN	Russian
3	IGNATYEV PETR	MRM	47	1	10		70	KHOAN	Russian
4	ZHURAVLEV ANATOLII	MRM	52	1	13		117	KHOAN	Russian
5	LYMAR OLEG	MRM	49	1	5		75	KHOAN	Russian
6	RATUSHNYI EVGENII	MRM	48	1	6		79	KHOAN	Russian
7	BABKO RADAMES	MRM	42	1	15		110	KHOAN	Russian
8	NAUMOV SERGEY	MRM	51	1	10		82	KHOAN	Russian
9	BORIDKO VITALII	MRM	44	1	5		115	KHOAN	Russian
10	SHIBUT DMITRII	MRM	45	1	10		85	KHOAN	Russian
11	SHPIRKO ALEXAN	MRM	43	1	10		90	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	11	11	96	1.021	0	11		
TOTAL		11	11	96	1.021	0	11		
WEIGHT KG				96	1.021	0			

GRAND TOAL: 1.117 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	TO: TD2 - BK16 - P8	CREW: HỒI - TRƯỜNG - PTUẤN	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	POROMARENKO A	TD2	92	1	3	42	98	KHOAN	Russian
2	NGUYỄN VĂN HAI	TD2	100	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
3	BUI HUU HONG	TD2					86	KHOAN	Vietnamese
4	VUONG DINH LIEN	TD2	93	1	3		64	KHOAN	Vietnamese
5	LE VIET CHIEN	TD2	91	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
6	LE HUY TUYEN	TD2	34	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
7	DO VAN HUNG	TD2	96	1	6		66	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN HUNG HUNG	TD2	98	1	5		100	KHOAN	Vietnamese
9	CAO VAN LOI	TD2	95	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
10	MAI VAN HOANG	TD2	33	1	3		56	KHOAN	Vietnamese
11	DOROSHENKO M.K	TD2	94	1	9		95	KHOAN	Russian
12	VU MANH THANG	TD2	90	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
13	PHAM VAN BINH	TD2	97	1	12		75	KHOAN	Vietnamese
14	VU TRONG HACH	TD2	56	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
15	DO VAN SON	TD2	57	1	6		59	GETRACO	Vietnamese
16	DOAN ANH THAI	TD2	54	1	10		61	GETRACO	Vietnamese
17	HA KIM LINH	TD2	99	1	5		47	GETRACO	Vietnamese
18	NGUYEN BA DUNG	TD2	55	1	10		50	GETRACO	Vietnamese
19	DINH EM	TD2	53	1	8		66	GETRACO	Vietnamese
20	DO VAN THANH	BK16	47	1	8	25	80	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYEN CONG PHU	BK16	46	1	13	45	75	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	19	18	110	1.323	42	17		
2	BK16	2	2	21	155	70	2		
3	P8	0	0	0	0	30	3		
TOTAL		21	20	131	1.478	142	22		
WEIGHT KG				131	1.478	142			

GRAND TOAL: 1.751 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	TO: P5 - TD5	CREW: Khang - MTHAO - Huy	ETA: 09:15
cam-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VĂN THIẾT	P5	84	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
2	VŨ NGỌC THANH	P5	82	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN THAI DUƠNG	P5	85	1	10		52	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN MẠNH TÍNH	P5	76	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
5	NG TRỌNG TUÂN*PK-PVD	P5	80	1	5	18	65	KHOAN	Vietnamese
6	ĐẬU CAO KHANG	P5	79	1	7		52	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN DUY LINH	P5	81	1	7		90	KHOAN	Vietnamese
8	HA QUỐC DŨNG-PK-PVD	P5	86	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
9	PHAN VĂN THANH	P5	78	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
10	NG HOÀNG OANH-PVDT	P5	77	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN HẬU *	P5	75	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN TRỌNG DŨNG	P5	87	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN HAI LAM	P5	83	1	9		64	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ THANH LAM	TD5					68	KHOAN	Vietnamese
15	PHÙNG NGUYỄN NGỌC	TD5	63	1	4		86	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN XUÂN HAI	TD5	66	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN MẠNH THU*TT	TD5	61	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
18	TRỊNH DUY THANH	TD5	64	1	3	55	74	KHOAN	Vietnamese
19	LÊ ANH NGUYỄN	TD5	65	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN XUÂN THÈ	TD5	68	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
21	TRẦN VĂN THIỆU	TD5	67	1	7		84	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN DAM	TD5	62	1	3		85	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	13	13	76	914	18	12		
2	TD5	9	8	32	674	55	10		
TOTAL		22	21	108	1.588	73	22		
WEIGHT KG				108	1.588	73			

GRAND TOAL: 1.769 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 04	TO: TD3 - BK9	CREW: LHải - VTHU - thông	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DEMIN	TD3	01	1	7		102	KHOAN	Russian
2	KODZOEV M.M	TD3	02	1	10		95	KHOAN	Russian
3	LUU QUYET THANG	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
4	BUI VAN THOM	TD3	12	1	5		50	KHOAN	Vietnamese
5	TRAN VAN THO	TD3	11	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
6	VO VAN DUNG	TD3					87	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG MINH TOAN	TD3	14	1	3		55	KHOAN	Vietnamese
8	TRANG NGOC HUNG	TD3	09	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
9	TRINH DUY SON	TD3	05	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
10	DAO TIEN THIET	TD3	17	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
11	LAI THE DAT	TD3	10	1	5		84	KHOAN	Vietnamese
12	ĐANG DINH PHUC	TD3	16	1	6		86	KHOAN	Vietnamese
13	LE MANH THANG	TD3					74	KHOAN	Vietnamese
14	NGO VAN CHUNG	TD3	03	1	11		80	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN LAP	TD3	18	1	5		65	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN VAN HUNG	TD3	08	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
17	PHAN TRUC TUYEN	TD3	06	1	10	50	65	KHOAN	Vietnamese
18	ĐANG HUY LONG	TD3	13	1	2		64	KHOAN	Vietnamese
19	ĐANG DINH DINH	TD3					57	KHOAN	Vietnamese
20	LE TU HOP	TD3	07	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
21	PHUNG VAN XUYEN	TD3	15	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
22	LE NGOC BINH	TD3	04	1	5		80	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	22	18	97	1.593	50	17		
2	BK9	0	0	0	0	104	5		
TOTAL		22	18	97	1.593	154	22		
WEIGHT KG				97	1.593	154			

GRAND TOAL: 1.844 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:40
FLIGHT: 05	TO: TD5	CREW: LHải - VTHU - thông	ETA: 11:20
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ XUÂN ANH*PK-PVD	TD5	87	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
2	PHẠM VĂN LUÂN	TD5	74	1	4		61	KHOAN	Vietnamese
3	ĐÀO THANH SƠN	TD5	85	1	2		55	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VINH DUY	TD5	81-82	2	13		68	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN THỜI	TD5	80	1	11		72	KHOAN	Vietnamese
6	LUƠNG VĂN VINH*PK-PVD	TD5	75	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ VIỆT THẮNG	TD5	77	1	7		58	KHOAN	Vietnamese
8	HOÀNG XUÂN THI	TD5	86	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
9	HOÀNG VĂN KHAI	TD5	89	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
10	TRỊNH HOÀNG KHÁNH	TD5	84	1	10		88	KHOAN	Vietnamese
11	ĐẶNG MINH KHAI	TD5	76	1	10		85	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN TUÂN	TD5	79	1	4		55	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ TIỀN DŨNG	TD5					72	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ HUY TIỀN HẢI	TD5	83	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN HOÀNH VŨ	TD5	73	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
16	LƯU XUÂN HẠNH-PVDT	TD5	91	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN MINH TIỀN	TD5	90	1	6		92	KHOAN	Vietnamese
18	KHAERDINOV VITALY	TD5	95	1	8		70	KHOAN	Russian
19	BUI ĐỨC TOÀN	TD5	78	1	3		77	KHOAN	Vietnamese
20	LƯU THẾ ĐIỆN	TD5	88	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
21	LÊ MINH HOÀNG	TD5	92-93	2	15		84	NIPi	Vietnamese
22	ĐOÀN TRUNG KIẾN	TD5	94	1	4		58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	22	23	133	1.544	0	20		
TOTAL		22	23	133	1.544	0	20		
WEIGHT KG				133	1.544	0			

GRAND TOAL: 1.677 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 06	TO: TD3 - TTC3	CREW: HỒI - TRƯỜNG - PTUẤN	ETA: 11:10
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KHÔNG QUỐC HÙNG	TD3	84	1	3		63	KHOAN	Vietnamese
2	HOANG NGOC NGHIA	TD3	80	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN ĐỨC THẮNG	TD3	90-91	2	18		66	KHOAN	Vietnamese
4	VU TIEN LUC	TD3					67	KHOAN	Vietnamese
5	NG QUANG LINH-PVDT	TD3	85	1	3		71	KHOAN	Vietnamese
6	VU THE HUNG	TD3	92	1	9		57	KHOAN	Vietnamese
7	LE HUU HAU	TD3	93	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN ĐỨC THẮNG	TD3	86	1	5		69	BAKER HU	Vietnamese
9	TA HOAI TRANG	TD3	89	1	6		72	ANTOAN	Vietnamese
10	BUI BACH DUONG	TD3	95	1	10	32	70	DVL	Vietnamese
11	VU VAN HUNG	TD3	78	1	5		58	NIPI	Vietnamese
12	NGUYEN DINH MUOI	TD3	87	1	9		76	PSV	Vietnamese
13	TRAN VAN LUC	TD3	76	1	9		92	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN VAN HIEN	TD3	79	1	7	50	80	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN VIET THANG	TD3	82	1	3		63	PSV	Vietnamese
16	HO SY THANH	TD3	88	1	3		59	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN TUAN	TD3	81	1	3		72	PSV	Vietnamese
18	NGO DOAN DUC	TD3	94	1	10		79	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN TUAN HAI	TD3	77	1	2		60	PSV	Vietnamese
20	PHAN CHINH QUY	TD3	83	1	5		75	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN HUU VAN	TTC3	33	1	7	35	80	KH-THAC	Vietnamese
22	LE THANH HIEU	TTC3	32,34	2	14		69	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	20	20	120	1.384	82	18		
2	TTC3	2	3	21	149	35	4		
TOTAL		22	23	141	1.533	117	22		
WEIGHT KG				141	1.533	117			

GRAND TOAL: 1.791 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 02/01/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P1+P7+P5	7:25	4+11+7	0+0+0		1+13+8	0+0+0	CHUYẾN 1 P7- P5
2		BK5+JS2	7:25	6+16	0+0		4+18	0+0	
3		P2+BK4+BK6	7:25	15+0+7	0+0+0		9+0+13	0+0+0	CHUYẾN 1 P2- BK4
4		BK3+BK10+P4	7:25	4+0+18	0+0+0		0+0+22	0+0+0	CHUYẾN 1 BK3- BK10
5		P1+P4	9:25	13+9	0+0		12+10	0+0	
6		TTC2+AMD+HSD	9:25	3+15+4	0+0+0		3+15+4	0+0+0	
7		BK8+P3	9:25	9+12	0+0		8+12	0+0	
8		HST+P2	9:25	2+19	0+0		1+20	0+0	
9		PS+P9	11:25	21+1	0+0		12+8	0+0	
10		TD1+P1+JS2	11:25	4+15+2	0+0+0		0+13+7	0+0+0	
11		AMD+TGTH1+TGTH4	11:25	16+2+1	0+0+0		9+1+1	0+0+0	CHUYẾN 1 PAX H1-H4

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
ĐI VỀ TRONG NGÀY P1-ING.



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:30
FLIGHT: 1	TO: P1 - P7 - P5	CREW: MTHẮNG - VTHU - thông	ETA: 11:30
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LY BANG	P1	09	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN KHANH DUY	P1	06	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
3	LE VAN TU	P1	04-05	2	10		66	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM DUC BON	P1	07-08	2	5		59	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÀO ĐỨC HUNG	P7					60	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN CUÔNG	P7	30	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN TIẾN	P7	28	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN TIẾN HIỆP	P7	25	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU HUNG	P7	16	1	10	95	64	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN LỢI	P7	27	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI TRONG AN	P7	24	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	TRƯƠNG VĂN QUANG	P7	15	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN THIÊN	P7	29	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN ĐỨC	P7					71	PSV	Vietnamese
15	HOANG VIỆT HUNG	P7	26	1	5		75	PSV	Vietnamese
16	PHAN HỒNG HAI	P5	91	1	11		65	KH-THAC	Vietnamese
17	DƯƠNG CÔNG ĐĂNG	P5	90	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN THẾ KHUÔNG	P5	71	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN QUỐC TUẤN	P5	89	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN VĂN CHUÔNG	P5	93	1	5	35	50	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI VĂN BÁC	P5					79	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN QUANG PHÚC	P5	92	1	5		52	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	4	6	27	270	0	1		CHUYEN 1 PAX TU P7 SANG P5
2	P7	11	9	52	761	95	13		
3	P5	7	6	41	446	35	8		
TOTAL		22	21	120	1.477	130	22		
WEIGHT KG				120	1.477	130			

GRAND TOAL: 1.727 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	TO: BK5 - JS2	CREW: Phong - Dương - Vũ	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ NGỌC AN	BK5	21	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN QUỐC HOÀN	BK5	19	1	4	25	58	KH-THAC	Vietnamese
3	HỒ HỮU LINH	BK5	20	1	10	50	90	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐINH TÙNG LAM	BK5	22-23	2	12		65	T-TIN	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐỨC QUANG	BK5	86	1	5		95	PSV	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	BK5	24	1	5		65	PSV	Vietnamese
7	LE QUANG CUONG	JS2	24	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
8	EDWIN PINTO	JS2	51	1	17		105	KHOAN	Indian
9	LE HOANG ANH	JS2	25	1	5		45	KHOAN	Vietnamese
10	LE MANH HUNG	JS2	59	1	2		80	KHOAN	Vietnamese
11	VU DUC TRIEU	JS2	26	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
12	TONG VAN DAT	JS2	22	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN XUAN ANH	JS2	98	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
14	LE VO DUY TAN	JS2	58	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN LINH	JS2	53	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
16	HOANG VAN BON	JS2	23	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
17	DO PHU DAT	JS2	57	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN XUAN TUAN	JS2	56	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
19	LE VIET THUC	JS2	54	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
20	HUA QUANG TAM	JS2	75	1	9		65	KHOAN	Vietnamese
21	TRAN BA KHANH	JS2	800	1	12		76	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	6	7	41	445	75	4		
2	JS2	15	15	98	1.078	0	18		
TOTAL		21	22	139	1.523	75	22		
WEIGHT KG				139	1.523	75			

GRAND TOAL: 1.737 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	TO: P2 - BK4 - BK6	CREW: VThắng - TTrung - Luy	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN BA HIEP	P2	55	1	5	54	75	PV GAS	Vietnamese
2	TRAN TIEU LONG	P2	54	1	12		89	PV GAS	Vietnamese
3	BAGRAMOV	P2	91	1	12		95	KH-THAC	Russian
4	VU VIET THANH	P2	97	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
5	DUONG DUC HIEU	P2	600	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN DANG	P2	51-53	3	18		72	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG MINH DUC	P2	90	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN PHU HUU	P2	96	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM QUOC HIEN	P2					68	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAC DUC HUY	P2	93	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
11	TRINH BA DONG	P2	92	1	14		70	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM NGUYEN HOANG PHUC	P2	98	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN TIEN HUNG	P2	94	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
14	TUONG ANH CAC	P2	99	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
15	LE VAN DONG	P2	89	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
16	LUU VAN TU	P2	95	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG NGOC TUNG	BK6	53	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
18	VU VAN THAP	BK6	50-51	2	17		55	KH-THAC	Vietnamese
19	VU VAN HIEU	BK6	54	1	2		56	KH-THAC	Vietnamese
20	NGO THAI HA	BK6	52	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN NGOC LANG	BK6	48	1	6	16	68	T-TIN	Vietnamese
22	NGUYEN VAN PHE	BK6	49	1	6		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	16	17	113	1.173	54	9		CHUYEN 1 PAX TU P2 SANG BK4
2	BK4	0	0	0	0	0	0		
3	BK6	6	7	45	364	16	13		
TOTAL		22	24	158	1.537	70	22		
WEIGHT KG				158	1.537	70			

GRAND TOAL: 1.765 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
FLIGHT: 4	TO: BK3 - BK10 - P4	CREW: Khang - MTHAO - DTùng	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ANH QUANG	BK3	21-22	2	15		78	CODIEN	Vietnamese
2	ĐẶNG ĐÌNH TUẤN	BK3	30	1	12	25	71	CODIEN	Vietnamese
3	PHẠM TIẾN DŨNG	BK3	31	1	8		72	CODIEN	Vietnamese
4	CHU TUẤN ANH	BK3	19	1	12		62	CODIEN	Vietnamese
5	VŨ MẠNH HÀ	P4	92	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN DUY THAI	P4	65	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ BAO AN	P4	96	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HOANG VINH	P4	78	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
9	LƯƠNG HỮU HẬU	P4	68	1	8		92	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM THAI SƠN	P4	69	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM VĂN HOANG	P4	74	1	12		86	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI MINH TUẤN	P4	76	1	3	20	68	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ THĂNG	P4	77	1	10		96	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN NGỌC TUẤN	P4	70	1	6		55	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN NHAN HAI	P4	50	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN KHANH	P4	71	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM KHẮC ĐOÀN	P4					63	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ANH DŨNG	P4	67	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ VĂN KHOAI	P4	73	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN SƠN	P4	75	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ DUY TRUNG	P4	64	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
22	KHUƠNG VĂN THAO	P4	66	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	4	5	47	283	25	0	0	CHUYỂN 1 PAX BK3 → BK10
2	BK10	0	0	0	0	55	0	0	
3	P4	18	17	102	1.304	20	22		
TOTAL		22	22	149	1.587	100	22		
WEIGHT KG				149	1.587	100			

GRAND TOAL: 1.836 KGS

VSP REP.

[Signature]

VNHS REP.

[Signature]

CAPTAIN

[Signature]



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 5	TO: P1 - P4	CREW: MTHẮNG - VTHU - thông	ETA: 09:50
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH VĂN THẮNG	P1	09-10	2	14	23	64	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ VĂN THẮNG	P1	06	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN QUANG THỌ	P1					82	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ QUANG TIẾN	P1	08	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
5	VÌ KHẮC THÀNH	P1	02	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
6	LƯU VĂN TUẤN	P1	03	1	4	15	67	KH-THAC	Vietnamese
7	HỒ HỮU CHUNG	P1	05	1	7		54	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN QUANG PHƯỚC	P1	12-13	2	14		75	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ VIỆT DUNG	P1					62	KH-THAC	Vietnamese
10	VU VĂN MẠNH	P1					83	KH-THAC	Vietnamese
11	VU XUÂN QUY	P1	11	1	9		104	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN XUÂN LẠNH	P1	04	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN VINH PHƯƠNG	P1	01	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
14	VU DUY KHANH	P1	07	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGÔ SỸ KHOA	P4	08	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
16	HÀ TÂN DUNG	P4	10	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI QUANG SƠN	P4	03	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC TUYẾN	P4	09	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐỨC NHÂN	P4	11	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI MẠNH CƯỜNG	P4	02	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐOÀN HỒNG DƯƠNG	P4	12-13	2	7	80	68	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN BẠN	P4	01	1	8		70	PVE-PMC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	14	13	90	996	38	12		
2	P4	8	9	46	552	80	10		
TOTAL		22	22	136	1.548	118	22		
WEIGHT KG				136	1.548	118			

GRAND TOAL: 1.802 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 6	TO: TTC2 - AMD - HSD	CREW: Phong - Dương - Vũ	ETA: 11:10
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU HUU CHINH	TTC2	97	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
2	VU XUAN TAM	TTC2	95	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
3	LE HUY MANH	TTC2	96	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN DAI NGHIA	AMD	87-88	2	13		71	HLJOC	Vietnamese
5	K LOC	AMD	83	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN SANH	AMD	79	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN NHU BAO CHUONG	AMD	86	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG VAN THE (PVDT)	AMD	81-82	2	12		67	KH-THAC	Vietnamese
9	TRUONG THE KHAI	AMD	78	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGO VAN SAU	AMD	80	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
11	LE THANH TUNG	AMD	89	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN MINH DUC	AMD	76	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VIET LAM	AMD	77	1	4		82	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN DOAN DUAN	AMD	75	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM THANH HUNG	AMD	90-91	2	12		60	KH-THAC	Vietnamese
16	THAI BA HUNG (PVDT)	AMD	74	1	7	20	65	KH-THAC	Vietnamese
17	VU MANH HA	AMD	85	1	10		86	KH-THAC	Vietnamese
18	Dinh Huu Tinh	AMD	84	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN NGOC THU	HSD	10	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
20	TRUONG DUC HUNG	HSD	11	1	8		81	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN DINH SONG	HSD	12	1	7		55	KH-THAC	Vietnamese
22	LE CHI CUONG	HSD	08-09	2	17		67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	3	3	28	205	0	3		
2	AMD	15	18	109	1.051	20	15		
3	HSD	4	5	38	275	0	4		
TOTAL		22	26	175	1.531	20	22		
WEIGHT KG				175	1.531	20			

GRAND TOAL: 1.726 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:35
FLIGHT: 7	TO: BK8 - P3	CREW: VThắng - TTrung - Luy	ETA: 11:15
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TẤT HÒA	BK8	77	1	4	40	79	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN VĂN THUẬN	BK8	86	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM MINH DƯƠNG	BK8	79-80	2	6		88	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN THANH SƠN	BK8	84-85	2	10		60	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM NGỌC PHƯƠNG	BK8	87	1	10	77	78	CODIEN	Vietnamese
6	DƯƠNG HUU THUẬN	BK8	88	1	5		62	CODIEN	Vietnamese
7	VÕ TIẾN PHÁT	BK8	82-83	2	20		71	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐẠO MINH ĐỨC	BK8	78	1	6		68	PSV	Vietnamese
9	LÊ THANH CHÂU	BK8	81	1	5		72	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN CỬU	P3	27	1	5	40	70	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐỖ VĂN ĐAM	P3	25	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN MINH HOÀI	P3	22	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGÔ MẠNH HÙNG	P3	47	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI SY CÔNG	P3	23-24	2	10		61	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN QUỐC BÌNH	P3	45	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN THIÊN THANH	P3	46	1	7		87	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN LÊ TÙNG	P3	16	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ ĐỨC HÙNG	P3	26	1	12		87	KH-THAC	Vietnamese
19	VÕ THANH NHẬT	P3	21	1	6		65	GETRACO	Vietnamese
20	TRẦN CAO MÔNG	P3	17-18	2	8		55	GETRACO	Vietnamese
21	ĐỖ ĐỨC HIẾU	P3	19-20	2	11		58	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK8	9	12	69	653	117	8		
2	P3	12	15	90	836	40	12		
TOTAL		21	27	159	1.489	157	20		
WEIGHT KG				159	1.489	157			

GRAND TOAL: 1.805 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT: 8	TO: HST - P2	CREW: Khang - MTHAO - DTùng	ETA: 11:20
HONG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TRUONG THO	HST	47	1	10		65	TLJOC	Vietnamese
2	TRAN THANH QUANG	HST	45-46	2	13		75	TLJOC	Vietnamese
3	HOANG ĐỨC LINH	P2	77	1	5	110	55	KH-THAC	Vietnamese
4	VU VAN NAM	P2	72	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN DINH NAM	P2	69	1	10	18	70	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI THO DUNG	P2					63	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM VAN QUYEN	P2	81	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN HUU HA	P2	79	1	9		57	KH-THAC	Vietnamese
9	K. LING	P2	71	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
10	LE SINH TAM	P2	67	1	13		92	KH-THAC	Vietnamese
11	VU NGOC DUNG	P2	78	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN KHAC LAM	P2	76	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
13	LE DINH HUAN	P2	70	1	4		47	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN QUANG HUNG	P2	75	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
15	HUYNH BA NINH	P2	74	1	8		56	KH-THAC	Vietnamese
16	LUONG ANH TUAN	P2	73	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN VAN LOI	P2	80	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
18	KAZIKOV	P2	68	1	9		110	ANTOAN	Russian
19	DANG TRONG DUONG	P2	61	1	8		65	NAMTIEN	Vietnamese
20	DANG TRAN LONG	P2	65-66	2	13		58	NAMTIEN	Vietnamese
21	HUYNH THANH HIEN	P2	62	1	8		57	NAMTIEN	Vietnamese
22	PHAM XUAN THE	P2	63-64	2	14		59	NAMTIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	HST	2	3	23	140	0	1		
2	P2	20	21	148	1.318	128	21		
TOTAL		22	24	171	1.458	128	22		
WEIGHT KG				171	1.458	128			

GRAND TOAL: 1.757 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:30
FLIGHT: 9	TO: P5 - P9	CREW: Phong - TRƯỜNG - Huy	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ HOÀNG TRỌNG	P5	99	1	15		80	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỒNG VĂN THỊNH	P5	88	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN MẠCH	P5	85	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ ĐỨC THÀNH	P5	80	1	8	100	50	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN KHAI	P5	97-98	2	15		73	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ANH TUẤN	P5	95-96	2	9		70	KH-THAC	Vietnamese
7	HOÀNG BA VỊNH	P5	87	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG KHÔI NGUYỄN	P5	90-91	2	17		67	KH-THAC	Vietnamese
9	NGÔ QUANG THẮNG	P5					72	KH-THAC	Vietnamese
10	CHU VĂN ĐẠT	P5	86	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN QUỐC TUẤN	P5	90	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	HỒ NGUYỄN KHÁNH DUY	P5	83	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN VĂN ĐỨC	P5	76	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN QUANG HUY	P5	92-93	2	17		80	DVL	Vietnamese
15	VÕ CHÍ THANH	P5	51-52	2	12		72	DVL	Vietnamese
16	TU VĂN SƠN	P5	84	1	7		80	PSV	Vietnamese
17	ĐẠO VĂN THẮNG	P5	78	1	4		55	PSV	Vietnamese
18	ĐẠO XUÂN THANH	P5	81-82	2	11		66	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN LOAN	P5	77	1	6		45	PSV	Vietnamese
20	LÊ TIỀN QUY	P5	89	1	5		70	PSV	Vietnamese
21	MAI VĂN TOÀN	P5	79	1	10		55	PSV	Vietnamese
22	PHẠM TIỀN PHƯƠNG	P9	44	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	21	26	172	1.419	100	12		
2	P9	1	1	7	70	0	8		
TOTAL		22	27	179	1.489	100	20		
WEIGHT KG				179	1.489	100			

GRAND TOAL: 1.768 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:35
FLIGHT: 10	TO: TD1 - P1 - JS2	CREW: TTrung - Hạnh - Toan	ETA: 13:15
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN VĂN KHUU	TD1	58	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN HỮU LUÂN	TD1	59	1	12		71	KHOAN	Vietnamese
3	NGÔ DUY NGỌC	TD1	60	1	12		62	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN ĐÔNG HUNG	TD1	57	1	5		79	KHOAN	Vietnamese
5	BUI HUY NGHIỆP	P1	17	1	2		75	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG ĐỨC TOANH	P1	24	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐÌNH HAI	P1	14-15	2	9		76	KH-THAC	Vietnamese
8	CAO ĐĂNG PHONG	P1	11	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TRỌNG YÊN	P1	18	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HỮU NGHĨA	P1	20	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ MINH HIẾU	P1	12-13	2	20		65	KH-THAC	Vietnamese
12	DƯƠNG DUY KHUONG	P1	19	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐOÀN VĂN DU	P1	10	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
14	NGÔ ĐỨC HAI	P1	716	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN HỒNG GIANG	P1	25	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN NAM TRUNG	P1	21	1	11		85	CODIEN	Vietnamese
17	HOÀNG QUỐC HUY	P1	22-23	2	19	47	81	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYỄN THANH TÂM	P1	16	1	8		70	YTE	Vietnamese
19	DO VAN HUNG	JS2	49	1	6		63	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN TRỌNG	JS2	47-48	2	20	70	76	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN NINH	JS2	42	1	5		62	PVD OFFS	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	4	4	39	272	0	0		
2	P1	14	17	107	1.017	47	13		
3	JS2	3	4	31	201	70	7		
TOTAL		21	25	177	1.490	117	20		
WEIGHT KG				177	1.490	117			

GRAND TOAL: 1.784 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 614	ETD: 11:25
FLIGHT: 11	TO: AMD - TGTH1 - TGTH4	CREW: Tường - Dũng	ETA: 13:20
NAU-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	AMD	04	1	4		75	PSV	Vietnamese
2	ĐỖ VĂN QUANG	AMD	07	1	3		67	PSV	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU BÌNH	AMD	05	1	6		53	PSV	Vietnamese
4	PHẠM VĂN TUẤN	AMD	09	1	5		80	PSV	Vietnamese
5	NGUYỄN TÂN VƯƠNG	AMD	10	1	6		68	PSV	Vietnamese
6	LÊ ĐẮC ĐÔNG	AMD	12	1	9		57	PSV	Vietnamese
7	TRẦN NGỌC BÌNH	AMD	06	1	4		67	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN LÂM THẮNG	AMD	14	1	5		85	PSV	Vietnamese
9	ĐINH VĂN CHUYỀN	AMD	11	1	6		68	PSV	Vietnamese
10	PHẠM THAI SƠN	AMD	13	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG QUANG LỘC	AMD	01	1	10	59	68	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HIỆP THÀNH	AMD	02	1	8		85	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG TRỌNG DŨNG	AMD	03	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN THANH NHỎ	AMD	15-16	2	11		66	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC THƯỜNG	AMD	17	1	10		81	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN TRẠI	AMD	08	1	7		65	KH-THAC	
17	NGÔ QUANG HUÂN	TGTH1	80,50	2	13		71	KH-THAC	Vietnamese
18	HỒ TRẦN PHƯƠNG ĐÔNG	TGTH1	79	1	10		61	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN THANH NGOAN	TGTH4	01-02	2	13		82	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

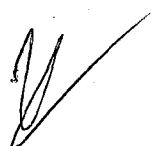
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	16	17	111	1.118	59	9		CHUYỂN 1 PAX TỪ TGTH1 SANG TGTH4
2	TGTH1	2	3	23	132	0	1	1	
3	TGTH4	1	2	13	82	0	1		
TOTAL		19	22	147	1.332	59	11		
WEIGHT KG				147	1.332	59			

GRAND TOAL: 1.538 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

